

Số: 06 /2011/QĐ-UBND

Huế, ngày 04 tháng 3 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt khu vực cấm hoạt động khoáng sản
trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ T.T.HUẾ

ĐẾN	Số: 258
	Ngày: 07/3
	Chuyên:

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 20 tháng 3 năm 1996 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản; Nghị định 07/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005;

Căn cứ Nghị quyết số 59/2007/NQ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2007 của Chính phủ về một số giải pháp xử lý những vướng mắc trong hoạt động đầu tư xây dựng và cải cách một số thủ tục hành chính đối với doanh nghiệp;

Căn cứ Chỉ thị số 26/2008/CT-TTg ngày 01 tháng 9 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động khai thác, chế biến, sử dụng và xuất khẩu khoáng sản;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Thừa Thiên Huế tại Tờ trình số 09/TTr-TNMT-KS ngày 10 tháng 01 năm 2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt khu vực cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Mục tiêu

- Tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước, bảo vệ, sử dụng có hiệu quả tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh; tạo điều kiện cho các hoạt động khoáng sản đảm bảo không vi phạm khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

- Xác định cụ thể các khu vực cấm hoạt động khoáng sản, từ đó thực hiện công tác quản lý, bảo vệ và phát triển hoạt động khoáng sản trên địa bàn đúng theo quy định của pháp luật.

2. Nội dung khu vực cấm hoạt động khoáng sản

Khu vực bảo vệ di tích lịch sử, văn hoá, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, công trình quốc phòng, an ninh, công trình giao thông, thủy lợi, thủy điện, đất dành riêng cho tôn giáo, đất đô thị, khu công nghiệp, khu du lịch, khu kinh tế và



các khu vực công trình kết cấu quan trọng khác; với tổng diện tích các khu vực cấm hoạt động khoáng sản là 234.474,17 ha, bao gồm:

- Đất di tích lịch sử văn hoá: 441,31 ha;
- Đất rừng phòng hộ: 88.129,40 ha;
- Đất rừng đặc dụng: 88.316,70 ha;
- Đất quốc phòng: 12.381,47 ha;
- Đất an ninh: 2.113,30 ha;
- Đất dành riêng tôn giáo: 219,62 ha;
- Đất đô thị: 30.422,54 ha;
- Đất khu công nghiệp: 2.468,76 ha;
- Đất các khu vực có kết cấu hạ tầng quan trọng khác : 9.981,07 ha.
- Đất các khu vực hành lang an toàn công trình giao thông theo các quy định hiện hành (hành lang bảo vệ công trình giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng không dân dụng);
- Đất các khu vực đập, hồ thủy lợi, thủy điện theo các quy định hiện hành, bao gồm 24 công trình hồ chứa nước, thủy điện;
- Đất các khu vực điểm mỏ đã được điều tra, đánh giá nằm trong diện tích khu vực cấm hoạt động khoáng sản, gồm 23 điểm mỏ (Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành đơn vị có liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn tổ chức triển khai thực hiện các nội dung đã được phê duyệt tại Quyết định này theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh văn phòng Ủy ban Nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Công Thương, Giao thông Vận tải, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Tư pháp; Chánh Thanh tra tỉnh; Chỉ huy trưởng: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh; Giám Công an tỉnh; Trưởng Ban Ban Quản lý Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô; Trưởng ban Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh; Giám đốc Ban Quản lý Phát triển Khu Đô thị mới; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: TN&MT, CT, GTVT, QP, VH, TT&DL, NNPTNT, XD;
- TVTU; TT HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Cục Địa chất và Khoáng sản VN;
- VP: các PCVP; Công TTĐT tỉnh; các CV;
- Lưu: VT, TN.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KẾT CHỦ TỊCH



PHÓ CHỦ TỊCH
Phan Ngọc Thọ



Phụ lục
DANH SÁCH CÁC ĐIỂM MỎ ĐÃ ĐƯỢC ĐIỀU TRA ĐÁNH GIÁ
NĂM TRONG VÙNG CẤM HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN
(kèm theo Quyết định số **06** /2011/QĐ-UBND ngày **04** tháng **3** năm 2011
của Ủy ban Nhân dân tỉnh về việc phê duyệt khu vực cấm hoạt động
khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế)

TT	Tên khoáng sản	Vị trí điểm mỏ
1	Cát trắng	Xã Diên Hoà, huyện Phong Điền
2	Vàng	Mang Cá, khu vực xã Dương Hoà, thị xã Hương Thủy
3	Vàng	Khe Lạnh, xã Hương Phong, huyện A Lưới
4	Vàng	Cầu Ba, xã Phú Vinh, huyện A Lưới
5	A Patit	Khu vực xã Hồng Trung, huyện A Lưới
6	Cao lanh	Đường 12, Phú Vinh, huyện A Lưới
7	Cao lanh	Bình Điền, khu vực xã Bình Điền, huyện Hương Trà
8	Cao lanh	Nguyệt Biều, xã Thủy Biều, thành phố Huế
9	Cao lanh	Khánh Mỹ, thị trấn Phong Điền, huyện Phong Điền
10	Đất sét	Long Thọ, xã Thủy Biều, thành phố Huế
11	Đất sét	Mỹ An, xã Phú An, huyện Phú Vang
12	Đất sét	Phường Phú Bài, thị xã Hương Thủy
13	Đất sét	Thủy An, phường An Đông, thành phố Huế
14	Đất sét	Long Thọ, xã Thủy Biều, thành phố Huế
15	Chì kẽm	Sông Bồ, xã Phong Sơn, huyện Phong Điền
16	Nước khoáng	La Hy, xã Hồng Hạ, huyện A Lưới
17	Đá vôi	Long Thọ, xã Thủy Biều, thành phố Huế
18	Cát, cuội, sỏi	Hương Lộc, khu vực Khe Tre, huyện Nam Đông
19	Titan	Bãi tắm Thuận An, huyện Phú Vang
20	Titan	Bãi tắm Vinh Thanh, huyện Phú Vang
21	Titan	Bãi tắm Vinh Hiền, huyện Phú Vang
22	Titan	Bãi tắm Cảnh Dương, huyện Phú Lộc
23	Sắt	Tuần Lương, thị trấn Phú Lộc, huyện Phú Lộc

